

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÓA
TỈNH LONG AN**

Bản án số: 18/2018/DS-ST

Ngày: 30 - 3 - 2018

V/v “t/c hui”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Trường Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thành Trung.

2. Bà Lâm Thị Bé.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Bình Em – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An.

Ngày 30 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 224/2017/TLST-DS ngày 26/12/2017 về việc “*tranh chấp hui*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2018/QĐXX-ST ngày 13 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1974.

Địa chỉ: ấp 3, xã Tân Tây, huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị T1, sinh năm 1970.

Địa chỉ: ấp 3, xã Tân Tây, huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An.

(tất cả có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Trần Thị Thanh T trình bày yêu cầu khởi kiện:* Trong năm 2016 bà T làm chủ 02 dây hui, bà T1 là hui viên tham gia cụ thể như sau:

Dây thứ nhất: khai ngày 30/02/2016, hui khai 01 tháng một lần, gồm 24 phần, mỗi phần 1.000.000đ. Bà T1 tham gia 01 phần và hốt kỳ thứ 01, sau khi hốt hui bà T1 đóng hui chết đến kỳ thứ 12 thì ngưng nên bà T phải choàng hui cho bà T1 từ kỳ 13 đến kỳ 22 là 10 kỳ thành tiền là 10.000.000đ. Nay bà T khởi kiện yêu cầu bà T1 phải trả 10.000.000đ từ kỳ 13 đến kỳ 22.

Dây thứ hai: khai ngày 30/02/2016, hội tháng khai một lần, gồm 24 phần, mỗi phần 3.000.000đ. Bà T1 tham gia 02 phần, phần thứ nhất bỏ thăm và hốt kỳ số 02. Phần thứ 2 bà T1 hốt kỳ số 03, sau khi hốt đối với 02 phần hội bà T1 đóng hội chết cho cả 02 phần đến kỳ thứ 12 thì ngưng nên bà T phải choàng hội cho bà T1 đối với cả 02 kỳ hội từ kỳ 13 đến kỳ 22 là 10 kỳ, thành tiền là 60.000.000đ. Nay bà T khởi kiện yêu cầu bà T1 trả từ kỳ 13 đến kỳ 22 đối với cả 02 kỳ hội là 60.000.000đ.

Như vậy, 02 dây hội trên bà T đã choàng hội cho bà T1 70.000.000đ nhưng từ tháng 02 đến tháng 8 năm 2017 bà T1 trả cho bà T 14.000.000đ nên bà T yêu cầu bà T1 trả 56.000.000đ tiền hội và trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính lãi.

- *Bị đơn bà Lê Thị T1 trình bày:* Bà T1 thừa nhận có tham gia 02 dây hội do bà T làm chủ hội như lời trình bày của bà T. Đến nay bà T1 còn nợ bà T 56.000.000đ nhưng do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên bà T1 xin trả mỗi tháng 500.000đ cho đến khi hết nợ.

- Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Trần Thị Thanh T cung cấp giấy hốt hội ngày 30/2/2016, 30/3/2016, 30/4/2016; 02 danh sách hội viên, biên bản hòa giải ngày 08/10/2017 (bản photo). Bị đơn không cung cấp chứng cứ hay tài liệu gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp:* Là tranh chấp về hội chịu sự điều chỉnh của Bộ luật dân sự nên theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa.

[2] *Về quyền yêu cầu khởi kiện:* Bà Trần Thị Thanh T khởi kiện các kỳ hội của 02 dây hội mà bà T làm chủ hội có sự tham gia của bà T1 là thành viên đã đến hạn đóng hội nhưng do có vi phạm nghĩa vụ đóng hội, do đó bà T có quyền khởi kiện đối với các kỳ hội đến hạn.

[4] *Về nội dung vụ án:* Bà Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu bà Lê Thị T1 trả 56.000.000đ tiền hội (đã khấu trừ 14.000.000đ bà T1 trả cho bà T), không yêu cầu tính lãi nhưng yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Bà Lê Thị T1 thừa nhận sau khi đã khấu trừ tiền bà T1 trả cho bà T thì bà T1 còn nợ hội của bà T các kỳ hội đã đến hạn là 56.000.000đ như bà T yêu cầu nhưng vì hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên bà T1 xin trả dần mỗi tháng 500.000đ cho đến khi hết nợ nhưng không được bà T đồng ý. Xét thấy, các đương sự

thống nhất được với nhau về số tiền nợ hui là 56.000.000đ của các kỳ hui đến hạn nhưng chỉ tranh chấp về thời hạn trả. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T đối với bà Lê Thị T1 về tranh chấp hui.

[5] *Về thời gian trả và cách thức trả:* Do các đương sự không thỏa thuận được thời gian và cách thức trả và vấn đề này thuộc thẩm quyền giải quyết của Thi hành án dân sự khi bản án có hiệu lực pháp luật, do đó Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[6] *Về án phí:* Bà Lê Thị T1 phải chịu $5\% \times 56.000.000\text{đ} = 2.800.000\text{đ}$ tiền án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước. Bà Nguyễn Thị Thanh T không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà T 1.400.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003876 ngày 26/12/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Hóa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 471, 357 của Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thanh T đối với bà Lê Thị T1 về tranh chấp hui.

Buộc bà Lê Thị T1 trả cho bà Trần Thị Thanh T số tiền 56.000.000đ phát sinh từ tranh chấp hui.

Trong trường hợp Lê Thị T1 chậm trả thì bà T1 còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Bà Lê Thị T1 chịu 2.800.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước. Bà Trần Thị Thanh T không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà T 1.400.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003876 ngày 26/12/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Hóa.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thạnh Hóa;
- THADS huyện Thạnh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Phùng Trường Thọ